|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số 05a/VPCP/KSTT**  Ban hành theo Thông tư số .../2017/TT-VPCP ngày …/.../2017. | **KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH (Quý/năm)**  Kỳ báo cáo:………. *(Từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...)* | **Đơn vị báo cáo:**  Tên của cơ quan báo cáo; |

*Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lĩnh vực có PAKN** | **Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)** | | | **Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính** | | | | | | | | **Đăng tải công khai kết quả xử lý** |
| **Tổng số** | **Chia ra** | | **Đã xử lý** | | | | | **Đang xử lý** | | |
| **Số PAKN về hành vi hành chính** | **Số PAKN về nội dung quy định hành chính** | **Tổng số** | **Chia theo nội dung PAKN** | | **Chia theo thời điểm tiếp nhận** | | **Tổng số** | **Chia ra** |  |
| **Số PAKN về hành vi hành chính** | **Số PAKN về nội dung quy định hành chính** | **Tiếp nhận mới trong kỳ** | **Kỳ trước chuyển qua** | **Số PAKN về hành vi hành chính** | **Số PAKN về nội dung quy định hành chính** |
| A | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| …………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU 05/VPCP/KSTT/KTTH  
KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH THEO THẨM QUYỀN**

**1. Nội dung:**

Tổng hợp số liệu PAKN đã tiếp nhận, xử lý tại Bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền tiếp nhận và thẩm quyền xử lý, cụ thể:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận PAKN (theo Quyết định số 1967/QĐ-CAT-PV11, ngày 23/12/2014 của Giám đốc Công an tỉnh).

**2. Phương pháp tính và cách ghi biểu:**

Cột A: ghi tên ngành, lĩnh vực có PAKN

Cột 1 = Cột (2+3)

Cột 4 = Cột (5+6) = Cột (7+8)

Cột 9 = Cột (10+11).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số 06a/VPCP/KSTT**  Ban hành theo Thông tư số .../2017/TT-VPCP ngày .../.../2017. | **TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT TTHC (Quý/năm)**  Kỳ báo cáo:…….. *(Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)* | **Đơn vị báo cáo:** |

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp** | | **Số hồ sơ nhận giải quyết** | | | | | **Kết quả giải quyết** | | | | | | | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | | | **Số hồ sơ đã giải quyết** | | | | **Số hồ sơ đang giải quyết** | | |
| **Số kỳ trước chuyển qua** | **Số mới tiếp nhận** | | | **Tổng số** | **Trả đúng thời hạn** | | **Trả quá hạn** | **Tổng số** | **Chưa đến hạn** | **Quá hạn** |
| **Trực tuyến** | **Trực tiếp** | **Qua dịch vụ bưu chính** |
| **Trực tiếp** | **Qua dịch vụ bưu chính** |
| (1) | (2) | | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (09) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) | (15) |
| 1 | **Đăng ký, quản lý cư trú *(Cấp huyện)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Cấp giấy chứng minh nhân dân** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | *Cấp tỉnh* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | *Cấp huyện* | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Đăng ký, quản lý con dấu *(Cấp tỉnh*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4. | **Quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.1 | ***Cấp tỉnh*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4.2 | ***Cấp huyện*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5. | **Quản lý vũ khí - vật liệu nổ công nghiệp và công cụ hỗ trợ *(Cấp tỉnh)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6. | **Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.1 | ***Cấp tỉnh*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6.2 | ***Cấp huyện*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7. | **Quản lý xuất, nhập cảnh *(Cấp tỉnh)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | **Khiếu nại, tố cáo** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an | ***Cấp tỉnh*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Cấp huyện*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an | ***Cấp tỉnh*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Cấp huyện*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8. | **Cán bộ, công chức *(Cấp tỉnh)*** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9. | **PCCC** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GIẢI THÍCH CÁC BIỂU MẪU   
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Nội dung**

- Báo cáo tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Trách nhiệm thực hiện báo cáo: các cơ quan được giao nhiệm vụ trực tiếp giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

**2. Phương pháp tính và cách ghi biểu**

- Cột 1: Đánh số thứ tự liên tiếp theo ví dụ tại mẫu

- Cột 2: Ghi tên lĩnh vực có TTHC trong kỳ báo cáo; các cấp giải quyết TTHC.

- Cột 3: Ghi tổng số TTHC đã nhận để giải quyết trong kỳ báo cáo, bao gồm số bộ hồ sơ đề nghị giải quyết TTHC tồn đọng từ kỳ báo cáo trước chuyển qua (cột 4) và số bộ hồ sơ mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo (cột 5 + cột 6 + cột 7). Cột 3 = Cột (4 + 5 + 6 + 7)

- Cột 8: Ghi tổng số hồ sơ đã được giải quyết trong kỳ báo cáo: bằng số bộ hồ sơ giải quyết TTHC trả đúng thời hạn (cột 9, cột 10) và số bộ hồ sơ đã được giải quyết nhưng không đúng thời hạn quy định (cột 11); đồng thời, liệt kê nguyên nhân quá hạn tại cột 10 theo hướng dẫn tại mẫu 06g/VPCP/KSTT.

- Cột 12: Ghi tổng số bộ hồ sơ đang giải quyết, bằng: số bộ hồ sơ chưa tới hạn giải quyết (cột 13) và số hồ sơ đã quá thời hạn giải quyết (cột 14), đồng thời liệt kê các TTHC này theo hướng dẫn tại mẫu 06g/VPCP/KSTT.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số 06g/VPCP/KSTT**  Ban hành theo Thông tư số .../2017/TT-VPCP ngày .../.../2017. | **NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỌNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Quý/năm)** Kỳ báo cáo: …….. *(Từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...)* | **Đơn vị báo cáo:** |

**I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN**

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lĩnh vực, công việc giải quyết** | **Số lượng hồ sơ** | **Nguyên nhân quá hạn** | **Ghi chú** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | *Lĩnh vực ... (Ví dụ lĩnh vực Đất đai)* | 50 | a1x 5; a2x3; b3x10; c1x50 |  |
| 2 | *Lĩnh vực ...* |  |  |  |
|  | Tổng số: |  |  |  |

**II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

**1) a1x5:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Nội dung vướng mắc** | **Văn bản QPPL** |
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| *I* | *Lĩnh vực A* | | |
| 1 | TTHC 1 (ví dụ thủ tục cấp giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ) | Chưa rõ ràng ở quy định về điều kiện ... *(ví dụ điều kiện về khu dân cư hiện hữu, ổn định)* | Quy định tại Điều ... Khoản ... Điểm... của Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ về ... *(ví dụ: quy định tại Khoản 7 Điều 4 của Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2010 của UBND TP HCM về cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh)* |
| 2 | TTHC 2 |  |  |
| *II* | *Lĩnh vực B* | | |
| 1 | TTHC 3 |  |  |
| 2 | TTHC 4 |  |  |

**2. a2x3:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Nội dung vướng mắc** | **Văn bản QPPL** |
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| *I* | *Lĩnh vực ...* | | |
| 1 | TTHC 1 (ví dụ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở) | Mâu thuẫn về ... (ví dụ mâu thuẫn về cách xác định diện tích sàn căn hộ chung cư)) | Quy định tại Điều ... Khoản ... Điểm... của Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ về ... mâu thuẫn với Điều ... Khoản ... Điểm... của Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng... năm ... của Chính phủ về ...; (ví dụ: Khoản 2 Điều 21 của Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định 2 cách tính diện tích sàn căn hộ chung cư, đó là: cách thứ nhất: *“tính kích thước thông thủy của căn hộ”* và cách thứ hai là: *“tính từ tim tường bao, tường ngăn chia các căn hộ”*. Cách tính diện tích sàn căn hộ thứ hai có kết quả khác với cách tính thứ nhất về kích thước, ranh giới và diện tích căn hộ. Trong khi đó, Luật Nhà ở và Điều 49 của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở chỉ quy định diện tích căn hộ được tính theo cách thứ nhất, không quy định tính theo cách thứ hai. Như vậy, Thông tư 16 của Bộ Xây dựng đã quy định cách tính diện tích sàn căn hộ chung cư không thống nhất với quy định của Luật Nhà ở và Nghị định số 71); |
| 2 | TTHC 2 |  |  |
| *II* | *Lĩnh vực ...* | | |
| 1 | TTHC 3 |  |  |

**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 06g/VPCP/KSTT  
NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỌNG TRONG GIẢI QUYẾT TTHC**

**1. Tổng hợp nguyên nhân quá hạn:**

- Cột 1:

+ Đánh số liên tiếp theo dãy số La mã đối với lĩnh vực

+ Đánh số liên tiếp theo dãy số tự nhiên đối với TTHC có hồ sơ bị quá hạn giải quyết trong kỳ báo cáo

- Cột 2: Liệt kê TTHC có hồ sơ bị quá hạn giải quyết trong kỳ báo cáo theo lĩnh vực

- Cột 3: Ghi tổng số hồ sơ quá hạn giải quyết trong kỳ báo cáo tương ứng với tên TTHC ghi tại cột 2

- Cột 4: Điền mã số tương ứng của các nguyên nhân trả quá hạn theo hướng dẫn dưới đây:

***a. Quy định hành chính***

a1. Do quy định tại VBQPPL chưa rõ ràng

a2. Do quy định tại các VBQPPL mâu thuẫn với nhau

a3. Do quy định tại VBQPPL không hợp lý

a4. Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt (trong các trường hợp giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông)

***b. Cán bộ, công chức***

b1. Do thiếu biên chế

b2. Do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết

b3. Do cán bộ trực tiếp giải quyết thiếu trách nhiệm hoặc nhũng nhiễu

***c. Cơ sở vật chất, trang thiết bị***

c1. Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp

c2. Trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém

***d. Nguyên nhân khác (nêu cụ thể): ………***

Ví dụ: Lĩnh vực đất đai có 50 hồ sơ quá hạn, trong đó có 05 hồ sơ quá hạn do quy định tại văn bản QPPL chưa rõ ràng: (a1x5); 10 hồ sơ quá hạn do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết: (b2x10); 10 hồ sơ quá hạn do cán bộ trực tiếp giải quyết thiếu trách nhiệm hoặc nhũng nhiễu: (b3x10); cả 50 hồ sơ quá hạn do trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém: (c2x50).... Đối với những nguyên nhân khác, đề nghị nêu cụ thể nội dung của nguyên nhân (ví dụ: d-thiên tai, d-do tranh chấp đất đai...).

**2. Các trường hợp quá hạn do quy định hành chính:**

Dùng để diễn giải các nguyên nhân nêu tại mã số a1, a2, a3, trong đó:

- Cột 2 ghi rõ tên của TTHC;

- Cột 3 ghi rõ nội dung vướng mắc;

- Cột 4 ghi rõ điều, khoản, điểm, số hiệu, trích yếu của VBQPPL là nguyên nhân của trường hợp quá hạn trong giải quyết TTHC (có thể đính kèm văn bản giải thích về những hạn chế, bất cập, không hợp lý của các văn bản).